

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1265/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 197/2022/QĐ-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1971

Hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã Giao Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: XX ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh.

(Bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* Bị đơn: Ông Chung Ý D, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã Giao Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: XX ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 21/02/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc M đăng ký kết hôn với ông Chung Ý D tại UBND xã Giao Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/8/1996 (Giấy chứng nhận kết hôn số 372, Quyền số 02). Trong quá trình sống chung vợ chồng, do tính tình hai bên không hòa hợp, ông D không tôn trọng vợ, thường xuyên bạo hành về tinh thần và thể xác của bà M dẫn đến đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, gây

ảnh hưởng đến tâm lý của bà M. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn nên bà M và ông D đã sống ly thân nhau từ nhiều năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn chia sẻ, quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu ly hôn với ông D.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung gồm: Chung Ý H, sinh ngày 10/5/1991 (đã trưởng thành) và Chung Ý H1, sinh ngày 18/6/2009. Sau ly hôn bà M yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ H1 và không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Chung Ý D nên đây là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ Sổ tạm trú số 2171 do Công an xã Bà Điểm cấp ngày 12/9/2019 và Phiếu xác minh do Công an xã Bà Điểm xác nhận ngày 20/4/2022 thể hiện bị đơn ông Chung Ý D cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Võ Thị Ngọc M (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Chung Ý D (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông D.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định. Bà Võ Thị Ngọc M (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Chung Ý D (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bà M và ông D là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy

nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về hôn nhân: bà Võ Thị Ngọc M và ông Chung Ý D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giao Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/8/1996 (Giấy chứng nhận kết hôn số 372, Quyển số 02), do đó hôn nhân của bà M và ông D là hôn nhân hợp pháp. Nay bà M yêu cầu ly hôn ông D nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Bà M trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng, do tính tình hai bên không hòa hợp, ông D không tôn trọng vợ, thường xuyên bạo hành về tinh thần và thể xác của bà M dẫn đến đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, gây ảnh hưởng đến tâm lý của bà M. Hiện nay giữa bà M và ông D đã sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không còn chia sẻ, quan tâm đến nhau. Bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện, bà M không thể tiếp tục sống chung vợ chồng với ông D.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, qua các lần Tòa án hòa giải cho ông D thời gian để tạo sự hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng ông D đã không có mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, điều đó thể hiện ông D không có phương hướng, biện pháp và thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ông D đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, xét thấy giữa bà M và ông D không còn tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Hiện nay mâu thuẫn giữa bà M và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không ai thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của bà M là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: bà M và ông D có 02 con chung là Chung Ý Hòa, sinh ngày 10/5/1991 (đã trưởng thành) và Chung Ý Hiệp, sinh ngày 18/6/2009.

Bà M yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Hiệp và không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu Hiệp đang sống chung với bà M, phía ông D không có ý kiến gì đối với việc nuôi con của bà M. Tại Bản tự khai ngày 10/5/2022, cháu Hiệp có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con, việc bà M yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ H1 là phù hợp với lợi ích của con và có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cần giao trẻ Hiệp cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà M không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi trẻ Hiệp, xét thấy việc không yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với ông D cho đến khi có đơn yêu cầu của bà M.

[6] Về tài sản chung: bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị Ngọc M và ông Chung Ý D.

2/. Về nuôi con chung: bà M và ông D có 02 con chung là Chung Ý H, sinh ngày 10/5/1991 (đã trưởng thành) và Chung Ý H1, sinh ngày 18/6/2009.

2.1. Giao con chung là Chung Ý Hiệp cho bà Võ Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với ông D cho đến khi bà M có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà M đã nộp theo biên lai số AA/2021/0038921 ngày 08/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Giao Hòa, huyện
Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh